

Số: 507/QĐ-UB

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 4 năm 2001

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
Về việc miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với các xã vùng cao,
vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và các thôn, bản khu vực III
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Điều 22 Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp ban hành ngày 10/7/1993;

Căn cứ Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23-5-1997 của Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi về việc "Công nhận 3 khu vực miền núi, vùng cao";

Căn cứ Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 24-12-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn"; Quyết định số 294/UB-QĐ ngày 24-5-1994 của UBND tỉnh về việc "Công nhận các xã vùng sâu, vùng xa của tỉnh"; Quyết định số 267/UB-QĐ ngày 07-3-2000 của UBND tỉnh về việc bổ sung danh sách các xã đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND₁₅ ngày 24/3/2001 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa 15, kỳ họp thứ 4 về việc "thông qua các tờ trình của UBND tỉnh";

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục thuế tại Tờ trình số 81^a/CT-KH ngày 19/02/2001 về việc "Báo cáo và đề nghị miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa và một số thôn, bản đặc biệt khó khăn",

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và các thôn, bản khu vực III trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (danh sách các xã, thôn bản được miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh; tại thời điểm hiện tại là 65 xã và 63 thôn, bản; có danh sách cụ thể kèm theo Quyết định này).

Thời gian thực hiện miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp: Từ năm 2001.

Điều 2: Cục trưởng Cục thuế phối hợp với các ngành, các đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã hướng dẫn, kiểm tra UBND các xã, phường, thị trấn, các đơn vị trong việc thực hiện miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo đúng Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp, các quy định hiện hành của Nhà nước và Quyết định này của UBND tỉnh; Các tổ chức, cá nhân phải sử dụng số thuế sử dụng đất nông nghiệp được miễn để đầu tư thâm canh phát triển sản xuất nông nghiệp.

Điều 3: Các ông (bà): Chánh văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục thuế, Giám đốc các Sở; Tài chính - Vật giá, Kế hoạch và Đầu tư, Địa chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYẾN QUANG

**K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Lê Thị Quang

DANH SÁCH
65 XÃ VÙNG CAO, VÙNG SÂU, VÙNG XA, VÙNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
VÀ 63 THÔN THUỘC KHU VỰC III ĐƯỢC MIỄN THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT
NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số 507/QĐ-UB ngày 06/4/2001 của UBND tỉnh)

TT	XÃ, THỊ TRẤN	TT	XÃ, THỊ TRẤN	TT	XÃ, THỊ TRẤN	TT	XÃ, THỊ TRẤN
1	2	1	2	1	2	1	2
	HUYỆN SƠN DƯƠNG	6	Thôn Xóm Nửa	1	Xóm Dùn	5	Phù Lưu
A	XÃ (4 xã)	III	PHÚ LƯƠNG (4 thôn)	II	TRÀNG ĐÀ (1 thôn)	6	Minh Hương
1	Trung Yên	1	Thôn Đồng Khuân	1	Cổng Trời	7	Yên Lâm
2	Lương Thiện	2	Thôn Làng Nhiêu		HUYỆN YÊN SƠN	8	Yên Phú
3	Thanh Phát	3	Thôn Chấn Kiên		XÃ (10 xã)	9	Bằng Cốc
4	Kháng Nhật	4	Thôn Phú Nhiêu	1	Quý Quân	10	Thành Long
B	25 THÔN KHU VỰC III	IV	HỢP HÒA (2 thôn)	2	Lực Hành	11	Hùng Đức
I	ĐÔNG THỌ (7 thôn)	1	Thôn Tân Dân	3	Trung Trực	B	27 THÔN KHU VỰC III
1	Thôn Làng Mông	2	Thôn Đồng Phai	4	Kiến Thiết	I	BÌNH XA (1 thôn)
2	Thôn Làng Hào	V	THIỆN KẾ (2 thôn)	5	Đạo Viện	1	Thôn Đèo Áng
3	Thôn Y Nhân	1	Thôn Tân Dân	6	Kim Quan	II	TÂN YÊN (1 thôn)
4	Thôn Hà Sơn	2	Thôn Nhật Tân	7	Hùng Lợi	1	Thôn Ba Trăng
5	Thôn Đá Tron	VI	NINH LAI (1 thôn)	8	Trung Minh	III	THÁI SƠN (6 thôn)
6	Thôn Tân An	1	Thôn Nhật Tân	9	Công Đa	1	Thôn Cổng Đá
7	Thôn Khúc Nô	VII	TÂN TRÀO (3 thôn)	10	Trung Sơn	2	Thôn An Thạch 1

TT	XÃ, THỊ TRẤN	TT	XÃ, THỊ TRẤN	TT	XÃ, THỊ TRẤN	TT	XÃ, THỊ TRẤN
1	2	1	2	1	2	1	2
II	ĐÔNG LỢI (6 thôn)	1	Thôn Tiên Phong		HUYỆN HÀM YÊN	3	Thôn An Thạch 2
1	Thôn Cao Ngồi	2	Thôn Mỏ Chè	A	Xã (11 xã VS, VX, KK)	4	Thôn Thái Ninh
2	Thôn Phúc Kiện	3	Thôn Tân Lập	1	Yên Thuận	5	Thôn Thái Thủy 5
3	Thôn Đồng Bờ		TX. TUYÊN QUANG	2	Bạch Xa	6	Thôn Thái Thủy 6
4	Thôn Sùng Lễ		2 thôn khu vực III	3	Minh Khương		
5	Thôn Nha Xe	I	NÔNG TIẾN (1 thôn)	4	Minh Dân		
IV	THÁI HÒA (10 thôn)	A	18 XÃ VS, VX, KK	II	XUÂN QUANG (3 thôn)	10	Xuân Lập
1	Thôn Lũ Lán	1	Hà Lang	1	Thôn Nà Là	11	Xuân Tân
2	Thôn Cây Cóc	2	Trung Hà	2	Thôn Làng Ngoan	12	Xuân Tiến
3	Thôn Cây Vải	3	Bình Phú	3	Thôn Phai Cống	13	Phúc Yên
4	Thôn Ô rô	4	Phú Bình	III	TÂN AN (1 thôn)	14	Thúy Loa
5	Thôn Lập Thành	5	Yên Lập	1	Thôn Phúc Tân	15	Đà Vị
6	Thôn Đồng Cũ	6	Kiên Đài	IV	HÒA PHÚ (3 thôn)	16	Yên Hoa
7	Thôn Đầu Phai	7	Linh Phú	1	Thôn Khau Kiềng	17	Hồng Thái
8	Thôn Khe Môn	8	Tri Phú	2	Thôn Khuôn Pọt	18	Khau Tinh
9	Thôn Ao Vệ	9	Bình Nhân	3	Thôn Khuôn Mọ	19	Sinh Long
10	Thôn Đồng Chằm	10	Kim Bình	V	YÊN NGUYÊN (1 thôn)	20	Thượng Nông

TT	XÃ, THỊ TRẤN	TT	XÃ, THỊ TRẤN	TT	XÃ, THỊ TRẤN	TT	XÃ, THỊ TRẤN
1	2	1	2	1	2	1	2
V	ĐỨC NINH (9 thôn)	11	Hùng Mỹ	1	Thôn Vĩnh Nhân	21	Thượng Giáp
1	Thôn Ao Sen 2	12	Tân Mỹ		HUYỆN NA HANG	22	Côn Lôn
2	Thôn Chằm Bùng	13	Nhân Lý	1	Thị trấn Na Hang		
3	Thôn Bò Đái	14	Phúc Sơn	2	Năng Khả		
4	Thôn Tượng	15	Minh Quang	3	Trùng Khánh		
5	Thôn Chợ Tổng	16	Thổ Bình	4	Vĩnh Yên		
6	Thôn Làng Chẽ	17	Bình An	5	Sơn Phú		
7	Thôn Làng Đồng	18	Hồng Quang	6	Thanh Tương		
8	Thôn Làng Rào	B	9 THÔN KHU VỰC III	7	Thượng Lâm		
9	Thôn Đồng Ca	I	NGỌC HỘI (1 thôn)	8	Khuôn Hà		
	HUYỆN CHIÊM HÓA	1	Thôn Nà Mỏ	9	Lăng Can		